CÔNG TY TNHH TM–DV–KT ĐIỆN THIÊN THÀNH

25 Trần Tướng Công, Phường 10 Quận 05 TP.HCM

ĐT : 38551292 - 38554675 Fax : (84.8) 38553645

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN

(Áp dụng từ ngày 01/07/ 2024)

DIỄN GIẢI	ĐVT	ĐƠN GIÁ	DIỄN GIẢI	ĐVT	ĐƠN GIÁ
1/- COS SC			**2/- MŨ CHỤP**		
			V 1.25	Bịch	10,000
SC 2.5 (4, 5, 6)	Cái	2,000	V 2.0	Bịch	10,000
SC 4.0 (4, 5, 6)	Cái	1,500	V 3.5	Bịch	12,500
SC 6.0 (6, 8)	Cái	1,400	V 5.5	Bịch	15,000
SC 10 (6, 8)	Cái	1,800	V 8.0	Bịch	16,500
SC 16 (6, 8)	Cái	2,500	V 14	Cái	300
SC 25 (6, 8, 10)	Cái	3,500	V 22	Cái	400
SC 35 (6, 8, 10)	Cái	6,600	V 38	Cái	500
SC 50 (8, 10, 12)	Cái	10,800	V 60	Cái	850
SC 70 (8, 10, 12)	Cái	16,200	V 80	Cái	1,200
SC 95 (10, 12, 14)	Cái	25,000	V 100	Cái	1,700
SC 120 (14, 16, 18)	Cái	33,000	V 125	Cái	2,400
SC 150 (14, 16, 18)	Cái	47,000	V 150	Cái	2,700
SC 185 (14, 16, 18)	Cái	56,000	V 200	Cái	3,700
SC 240 (14, 16, 18)	Cái	89,000	V 250	Cái	4,300
SC 300 (14, 16, 18)	Cái	130,000	V 300	Cái	4,700
SC 400 (14, 16, 18)	Cái	192,000	V 400	Cái	7,000
SC 500 (14, 16, 18)	Cái	250,000	V 500	Cái	8,000
SC 630 (14, 16, 18)	Cái	350,000	V 630	Cái	9,000
3/- COS NỐI ĐỒNG			**4/- COS ĐỒNG NHÔM**		
L 2.5	Cái		Cu_Al 16	Cái	5,000
L 4.0	Cái		Cu_Al 25	Cái	6,000
L 6.0	Cái	1,700	Cu_Al 35	Cái	7,000
L 10	Cái	1,900	Cu_Al 50	Cái	8,000
L 16	Cái	3,300	Cu_Al 70	Cái	12,000
L 25	Cái	5,000	Cu_Al 95	Cái	14,000
L 35	Cái	8,000	Cu_Al 120	Cái	18,000
L 50	Cái	11,700	Cu_Al 150	Cái	22,000
L 70	Cái	16,200	Cu_Al 185	Cái	27,000
L 95	Cái	22,500	Cu_Al 240	Cái	38,000
L 120	Cái	31,500	Cu_Al 300	Cái	56,000
L 150	Cái	39,000	Cu_Al 400	Cái	120,000
L 185	Cái	51,300	**6/- COS NỐI NHỰA BF**		

L 240	Cái	82,000
L 300	Cái	117,000
L 400	Cái	165,000
5/- COS CHỈA VF		
VF 1.25_3,4 Y/ R	Bịch	18,000
VF 1.25_5Y/R	Bịch	20,000
VF 1.25_6R	Bịch	34,000
VF 1.25_8R	Bịch	36,000
VF 1.25_10R	Bịch	45,000
VF 1.25_12R	Bịch	60,000
VF 2_3,4 Y/ R	Bịch	20,000
VF 2_5 Y/ R	Bịch	22,000
VF 2_6R	Bịch	35,000
VF 2_8R	Bịch	40,000
VF 2_10R	Bịch	55,000
VF 2_12R	Bịch	66,000
VF 3.5_4,5 Y/ R	Bịch	35,000
VF 3.5_6R	Bịch	60,000
VF 5.5_5 Y/ R	Bịch	44,000
VF 5.5_6R	Bịch	58,000
VF 5.5_8R	Bịch	88,000
VF 5.5_10R	Bịch	90,000
VF 5.5_12R	Bịch	110,000
10/- CO NHIỆT		
PHI 1.5 (200m/C)	Cuộn	160,000
PHI 2.0 (200m/C)	Cuộn	150,000
PHI 2.5 (200m/C)	Cuộn	190,000
PHI 3.0 (200m/C)	Cuộn	230,000
PHI 4.0 (200m/C)	Cuộn	260,000
PHI 5.0 (100m/C)	Cuộn	140,000
PHI 6.0 (100m/C)	Cuộn	160,000
PHI 8.0 (100m/C)	Cuộn	180,000
PHI 10	Mét	3,500
PHI 12	Mét	4,000
PHI 16	Mét	7,000
PHI 20	Mét	9,000
PHI 22	Mét	10,000
PHI 25	Mét	11,000
PHI 30	Mét	12,000
PHI 35	Mét	15,000
PHI 40	Mét	18,500
PHI 50	Mét	26,000
PHI 60	Mét	36,000

BF 1.25	Bịch	33,000
BF 2.0	Bịch	44,000
BF 5.5	Bịch	88,000
7/- COS PIN ĐẶC		
PIN 1.25 - 13	Bịch	40,000
PIN 2.0 - 13	Bịch	44,000
PIN 5.5 - 13	Bịch	70,000
8/- COS PIN DẸP		
PIN 1.25F - 18	Bịch	40,000
PIN 2.0F - 18	Bịch	44,000
PIN 5.5F - 14	Bịch	70,000
9/- COS PIN RỖNG		
LT 050	Bịch	8,000
LT 075	Bịch	9,000
LT 100	Bịch	10,000
LT 150	Bịch	12,000
LT 250	Bịch	15,000
LT 400	Bịch	18,000
LT 600	Bịch	24,000
LT 10	Bịch	28,000
LT 16	Bịch	36,000
LT 25	Cái	1,500
LT 35	Cái	1,800
LT 50	Cái	3,000
LT 70	Cái	4,000
11/- QUẠT HÚT_220V		
QUẠT 80	Cái	80,000
QUẠT 120	Cái	80,000
QUẠT 150-160	Cái	160,000
QUẠT 200	Cái	320,000
12/- DÂY MẠ		
DÂY 0.75mm2	Kg	195,000
13/- ĐÈN QUAY		
KHÔNG CÒI	Cái	110,000
CÓ CÒI	Cái	130,000
14/- CÒI HÚ ĐỎ PHI 65		
CÒI HÚ 220V	Cái	110,000
CÒI HÚ 24V + 12V	Cái	130,000
16/- THANH TRUNG TÍNH		
THANH 12P	Cái	24,000
THANH 18P	Cái	35,000
THANH 22P	Cái	40,000
THANH 24P	Cái	46,000

PHI 70	Mét	38,000
PHI 80	Mét	47,000
PHI 90	Mét	56,000
15/- DÂY XOẮN		
YS 6	Bịch	15,000
YS 8	Bịch	18,000
YS 10	Bịch	22,000
YS 12	Bịch	30,000
YS 15	Bịch	41,000
YS 19	Bịch	71,000
19/- COS SU BẤM		
PC PHI 3 (CE 1)	Bịch	16,000
PC PHI 4 (CE 2)	Bịch	18,000
PC PHI 5 (CE 3)	Bịch	23,000
PC PHI 6 (CE 5)	Bịch	28,000
PC PHI 7 (CE 7)	Bịch	42,000
PC PHI 8 (CE 8)	Bịch	46,000
20/- DÂY RÚT		
100 * 3	Bịch	4,000
150 * 4	Bịch	10,000
200 * 4	Bịch	14,000
250 * 5	Bịch	20,000
300 * 5	Bịch	29,000
300 * 8	Bịch	54,000
400 * 8	Bịch	78,000
500 * 10	Bịch	95,000
21/- THANH ĐỠ MÀU MÔN		
TD 3 RÃNH 6 LY (JSJ 180A)	Cây	50,000
TD 3 RÃNH 10 LY (JSJ 180B)	Cây	50,000
TD 3 RÃNH ĐÔI 6 LY (JSJ 270)	Cây	85,000
TD 4 RÃNH 6 LY (JSJ 295A)	Cây	140,000
TD 4 RÃNH 10 LY (JSJ 295B)	Cây	140,000
TD 4 RÃNH ĐÔI 8 LY (JSJ 409)	Cây	175,000
24/- COS CAPA CÁI		
MDD 1.25 đỏ	Bịch	30,000
MDD 2.0 xanh	Bịch	40,000
MDD 5.5 vàng	Bịch	50,000
26/- COS CAPA ĐỰC		
FDD 1.25 đỏ	Bịch	30,000
FDD 2 xanh	Bịch	40,000
FDD 5.5 vàng	Bịch	50,000
28/- ĐÈN TỦ		
Đèn 8W_0,3m	Bộ	

THANH 30P	Cái	60,000
THANH 36P	Cái	70,000
17/- MÁNG CHENFA_1.7M/THANH		
MÁNG 25 * 25 (TH / 130C)	Cây	40,000
MÁNG 25 * 45 (TH / 70C)	Cây	58,000
MÁNG 33 * 33 (TH / 80C)	Cây	58,000
MÁNG 33 * 45 (TH / 60C)	Cây	76,000
MÁNG 45 * 45 (TH / 50C)	Cây	86,000
MÁNG 45 * 65 (TH / 40C)	Cây	100,000
MÁNG 65 * 65 (TH / 36C)	Cây	114,000
18/- MÁNG KOREA_2M/THANH		
20 * 35	Cây	
25 * 40	Cây	
25 * 55	Cây	
30 * 40	Cây	
30 * 60	Cây	
40 * 40	Cây	
40 * 60	Cây	
40 * 80	Cây	
60 * 60	Cây	
60 * 80	Cây	
60 * 100	Cây	
80 * 60	Cây	
80 * 80	Cây	
80 * 100	Cây	
100 * 100	Cây	
22- TIMER		
24H Camsco	Cây	280,000
Timer 10/ 30/ 60S	Bộ	185,000
Timer 10/ 30/ 60M	Bộ	185,000
23/- COS CHỈA TRẦN		
SV 1.5_3/4Y	Bịch	16,000
SV 2.5_3/4Y	Bịch	17,000
SV 3.5_5Y	Bịch	40,000
SV 5.5_5Y	Bịch	50,000
25/- COS TRÒN TRẦN		
RV 2_4R	Bịch	16,000
RV 2_5R	Bịch	20,000
RV 3,5_5R	Bịch	40,000
RV 5,5_5R	Bịch	60,000
27/- HỘP NHỰA		
Hộp nhựa 1 lỗ Ф 25	Cái	25,000
Hộp nhựa 2 lỗ Ф 25	Cái	35,000

Đèn 14W_0,6m	Bộ	
Đèn 21W_0,9m	Bộ	
Đèn 28W_1,2m	Bộ	
30/- TỦ NHỰA KÍN NƯỚC		
Tủ nhựa 200*200*120	Cái	100,000
Tủ nhựa 300*200*160	Cái	150,000
Tủ nhựa 400*300*200	Cái	270,000

Hộp nhựa 3 lỗ Þ 25	Cái	45,000
29/- ĐÈN LED TAIWAIN		
Phi 22 (đỏ, vàng, xanh)	Cái	20,000
Phi 22 (xanh dương)	Cái	36,000
31/- LƯỚI QUẠT		
Lưới quạt 120	Cái	8,000
Lưới quạt 160	Cái	15,000
Lưới quạt 200	Cái	22,000

**** Gía trên chưa bao gồm THUẾ .***